TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 15 - 01 - 2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp: "*hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1990. Địa chỉ: tổ F, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Phan Hoàng D**, sinh năm 1990. Địa chỉ: khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: số B, tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/8/2024) (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ F, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

3.2. Bà **Trang Lê Lan Q**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2024 nguyên đơn ông Trần Văn S trình bày: Ngày 28/7/2022 âm lịch bà Nguyễn Thị Thu V có mượn ông số tiền 100.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn mượn 03 tháng (từ ngày 28/7/2022 âm lịch đến ngày 28/12/2022 âm lịch). Bà V

mượn tiền để chữa bệnh cho cha của bà V. Cùng ngày 28/7/2022 âm lịch, ông đã giao bà V nhận đủ 100.000.000 đồng. Việc mượn tiền có lập giấy tay để làm bằng chứng. Ngày 09/11/2023 bà V mượn thêm ông số tiền 50.000.000 đồng; ông đã chuyển vào số tài khoản của bà V 070112522229 Ngân hàng S1. Ngày 10/11/2023 bà V tiếp tục mượn thêm ông số tiền 50.000.000 đồng; ông đã chuyển vào số tài khoản của bà V 070112522229 Ngân hàng S1. Tổng cộng bà V đã mượn ông số tiền 200.000.000 đồng. Ông nhiều lần yêu cầu bà V trả tiền nhưng bà V chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thu V có trách nhiệm trả ông số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C trình bày:* Ông là chồng bà Nguyễn Thị Thu V. Trước đây ông và bà V sống tại tổ F, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vào khoảng tháng 11/2023, bà V bỏ nhà đi đâu không rõ, bà V không báo lại cho ông biết đang ở đâu, làm gì. Hiện tại ông cùng các con về sống ở ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bà V thỉnh thoảng có gọi điện thoại về thăm các con nhưng không cho biết bà đang sống ở đâu. Việc bà V nợ ông S số tiền 200.000.000 đồng, ông hoàn toàn không biết. Khi bà V ghi giấy nợ với ông S, bà V không hỏi ý kiến ông và ông cũng không chứng kiến việc ghi nợ. Sau khi bà V bỏ đi khoảng 02 tháng, ông S có đến gặp ông để thông báo việc bà V nợ tiền ông S. Ông xác định ông không sử dụng số tiền 200.000.000 đồng mà bà V đang nợ ông S. Do tính chất công việc nên ông ít khi ở nhà và cũng không biết việc làm ăn của vợ như thế nào. Nay ông S khởi kiện bà V yêu cầu trả 200.000.000 đồng, số tiền bà V nợ ông S là nợ riêng của bà V; ông không đồng ý cùng bà V trả tiền ông S.

- *Tại bản khai ngày 09/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T Lê Lan Q trình bày:* bà là vợ ông Trần Văn S. Hiện nay bà được biết ông S đang khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V có trách nhiệm trả ông S số tiền 200.000.000 đồng. Bà xác định số tài sản này là tài sản riêng của ông S, do đó bà không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ kiện này. Do bận công việc không thể đến Tòa án nên bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt bà.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 469 và 470 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S buộc bà Nguyễn Thị Thu V có trách nhiệm trả ông Trần Văn S số tiền 200.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 10.000.000 đồng; hoàn trả ông Trần Văn S tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Trần Văn S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V trả tiền vay, nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn

có nơi cư trú ở huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bà V vẫn vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Phan Hoàng D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C và bà Trang Lê Lan Q yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Bà Nguyễn Thị Thu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của các đương sự khác và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ông Trần Văn S yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng.

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Trần Văn S cung cấp thể hiện: Văn bản ngày 28/7/2022 âm lịch bà Nguyễn Thị Thu V có mượn ông Trần Văn S số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn mượn 03 tháng; có chữ ký của bà V. Các chứng từ sao kê của Ngân hàng TMCP S2 – Chi nhánh B thể hiện nội dung: ngày 09/11/2023 ông S chuyển vào số tài khoản 070112522229 của bà V số tiền 50.000.000 đồng và ngày 10/11/2023 ông S chuyển vào số tài khoản 070112522229 của bà V số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy, ông S có giao bà V nhận số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, thời hạn là 03 tháng; nhưng đến nay bà V chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S. Ông S nhiều lần yêu cầu bà V trả tiền nhưng bà V chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Do đó, có căn cứ buộc bà V có trách nhiệm ông S số tiền nợ là 200.000.000 đồng, là phù hợp Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về tiền lãi: Ông Trần Văn S không yêu cầu tính lãi, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà V phải chịu 5% trên số tiền buộc trả 200.000.000 đồng bằng 10.000.000 đồng.

Ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận như nhận định trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S do ông Lê Phan Hoàng D đại diện.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu V có trách nhiệm trả ông Trần Văn S số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 10.00.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Hoàn trả ông Trần Văn S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) theo biên lai thu số 0013534 ngày 26/6/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.